

PHONG THỦY TRONG QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HUẾ -

Một cái nhìn lịch sử

TS. PHAN THANH HẢI*

1. Một cái nhìn lịch sử

Khi bàn về địa thế phong thủy của xứ Huế, Kiến trúc sư Lý Thái Sơn có một nhận xét thật thú vị: Thế phong thủy của Huế là "Kỳ lân hí cầu". Theo ông, có như vậy thì các vùng địa linh của Việt Nam mới có đủ hình "tứ tượng" - Rồng (thành Thăng Long) - Quy (thành Gia Định thời Gia Long) - Phụng (thành Gia Định thời Minh Mạng) và Lân (Kinh thành Huế)¹. Đây là một ý kiến thật đáng để suy ngẫm.

Nhưng thực ra từ xưa đến nay không ít nhà phong thủy học đã có những nhận xét, luận bàn về phong thủy của vùng đất đã từng là kinh đô cuối cùng của nước ta.

Theo thiên ý, người đầu tiên nhận ra vai trò đặc biệt của Huế hẳn là vị vua anh hùng Trần Nhân Tông, tổ của Thiền phái Trúc lâm Yên Tử. Sau khi bắt tay phối hợp cùng vương quốc Champa để đánh tan quân Nguyên - Mông, ông đã có chuyến du ngoạn vào xứ sở "non xanh nước biếc như tranh họa đồ" để rồi sau đó nảy ý tưởng gả công chúa Huyền Trân cho vua Champa để đổi lấy vùng đất đặc biệt này. Ý

tưởng của ông đã được vua Trần Anh Tông thực hiện trọn vẹn vào năm 1306. Đáng tiếc là sử sách không ghi lại nhận xét nào của Trần Nhân Tông về vùng đất Thuận Hóa...

Người thứ hai đã có đánh giá rất cao về vùng đất Huế (lúc đó đang gọi là Thuận Hóa) cũng là một nhân vật lịch sử rất vĩ đại của dân tộc thời Lê Sơ - nhà văn hóa, văn võ kiêm tài Nguyễn Trãi. Trong *Dư địa chí*, ông cho rằng, Thuận Hóa là phen đậu, là lá chắn của tổ quốc ở phương Nam. Bức lá chắn này (được hiểu như bức bình phong) phải được bảo vệ chắc chắn để đảm bảo sự yên ổn cho đất nước.

Hơn trăm năm sau, địa cục đã có sự thay đổi cơ bản: đất Thuận Hóa không còn là bức lá chắn nữa mà đã trở thành vùng đất thiêng hội tụ đủ điều kiện để anh hùng lập nghiệp lớn². Vị thánh sống của Việt Nam đương thời - Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm đã thấy rõ điều ấy và "mách" cho Tiên chúa Nguyễn Hoàng, để sau đó, từ dãy Hoành Sơn (Đèo Ngang) trở vào, họ Nguyễn đã tìm ra đất để "vạn đại dung thân". Thuận Hóa - Huế đã trở thành căn cứ địa để họ Nguyễn xây dựng vương nghiệp và kiến tạo nên một vương quốc Đàng Trong hùng mạnh.

* PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM BẢO TỒN
DI TÍCH CỔ ĐỐ HUẾ

Là người đầu tiên nhận sứ mệnh vào Thuận Hóa, Tiên chúa Nguyễn Hoàng cũng chính là người hơn ai hết nhận thấy rõ địa cuộc đặc biệt của xứ Huế - trung tâm của miền đất Thuận Quảng do ông cai quản. Trước khi nhắm mắt ông đã nhắn nhủ lại người con kế vị:

"Đất Thuận Quảng phía Bắc có núi chặn ngang (Hoành Sơn) và sông Gianh (Linh Giang) hiểm trở, phía Nam có núi Hải Vân và núi Đá Bia (Thạch Bi sơn) vững bền... thật là đất dụng võ của người anh hùng"³.

Nhiều nhà nghiên cứu trước đây thường dẫn di huấn này của Tiên chúa để đánh giá ông là một thiên tài về chính trị, quân sự. Nhưng có lẽ cũng cần nhìn nhận ông như một nhà phong thủy đại tài. Trên thực tế, cuộc đời Nguyễn Hoàng - kể từ khi vào Thuận Hóa - luôn luôn gắn liền với những câu chuyện phong thủy kỳ bí. Khi mới vào trấn nhiệm đất Thuận Hóa năm 1558, Tiên chúa đã chọn vùng đất Ái Tử ở hạ lưu sông Thạch Hãn để xây dựng căn cứ đầu tiên chứ chưa vào vùng hạ lưu sông Hương ngay. Nhưng để chuẩn bị cơ nghiệp lâu dài cho con cháu, ông đã cho lấp đoạn hào phía sau đồi Hà Khê - tương truyền, hào này chính thầy phù thủy người Tàu là Cao Biền cho đào để yểm phá long mạch xứ Huế. Rồi trên đồi Hà Khê, chúa cho dựng chùa Thiên Mụ để bồi tụ linh khí; phía thượng nguồn, điện Hòn Chén cũng được khôi phục để trấn yên dòng nước. Nhờ những tác động này, linh khí núi sông xứ Huế được coi là dần dần phục hồi, và đúng 36 năm sau (tức qua 3 chu kỳ Thiên Can - Địa Chi hay 3 con giáp quay vòng), người cháu nội của Tiên chúa (tức cũng qua 3 đời: ông - cha - cháu) đã chính thức chọn vùng đất dưới chân Thiên Mụ để xây dựng thủ phủ. Bởi vậy, tôi vẫn cho rằng, sự kiện chúa Nguyễn Phước Lan xây dựng thủ phủ Kim Long năm 1636 phải được xem là mốc chính thức thành lập đô thị Huế. Rất mừng là ý kiến này hiện nay đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và ủng hộ⁴.

Nhưng người đầu tiên có sự đánh giá vừa tổng quan vừa cụ thể về phong thủy của vùng đất Huế lại là Lê Quý Đôn, nhà bác học của nước ta hồi thế kỷ XVIII. Khi viết sách *Phủ biên tạp lục*, ông đã nhận xét rất tường tận về địa cuộc xứ Huế. Ở tầm vĩ mô, ông đánh giá đô thành Phú Xuân của chúa Nguyễn được đặt trên một vùng "Đất rộng bằng như bàn tay, độ

hơn 10 dặm, ở trong là Chính dinh, đất cao, bốn bề đều thấp, tức là chỗ nổi bật ở giữa đất bằng ngòi vị Càn (Tây - Bắc), trông hướng Tốn (Đông - Nam), dựa ngang sông đất, trông xuống bên sông; đằng trước là quần sơn, châu về la liệt, toàn thu nước ở bên hữu, vật lực thịnh giàu"⁵.

Còn ở trên tầm vĩ mô, địa cuộc xứ Huế hiện ra qua cách đánh giá của Lê Quý Đôn thật hoành tráng và độc đáo:

"Dinh Phú Xuân có năm lần hổ thủy (nước về phía hữu) ôm đằng trước: một là nguồn Hữu - Trạch chảy xuống là sông Phú - Xuân, hai là sông nhỏ An - Nông, ba là nguồn Hưng - Bình chảy vào đầm Hà - Trung, bốn là nguồn Phúc - Âu chảy qua Cao - Đồi mà vào phá Hà - Trung, năm là nước tự đèo Mệt - Mỏi chảy xuống đèo Cảnh - Dương. Có ba lần long sa (cát ở bên tả) ngăn bên tả: một là phố Thanh - Hà ở bên tả sông cầu Lạc - Nô, hai là các xã Thuận - Phước Thuận - Hòa ở bên tả thượng lưu sông con ngã ba Sênh, ba là các xã Bình - Trị, Thai - Dương ở bên tả hạ lưu phá Tam - Giang thẳng đến cửa Eo"⁶.

Sau Lê Quý Đôn, hiển nhiên là các vua triều Nguyễn, những người đã tiếp tục lựa chọn Huế làm kinh đô của cả nước Việt Nam. Tư tưởng của cả triều đại được thể hiện thật cô đọng trong những lời đầu tiên của Quốc Sử Quán trong sách *Đại Nam nhất thống chí*:

"Kinh sư là nơi miền núi, miền biển đều họp về, đứng giữa miền Nam, miền Bắc, đất đai cao ráo, non sông phẳng lặng; đường thủy thì có cửa Thuận An, cửa Tư Hiền sâu hiểm; đường bộ thì có Hoành Sơn, ải Hải Vân chặn ngăn: sông lớn giăng phía trước; núi cao giữ phía sau, rồng cuốn hổ ngồi, hình thế vững chắc, ấy là do trời đất xếp đặt, thật là thượng đô của nhà vua"⁷.

Việc tìm hiểu nghiên cứu về thành tựu trong ứng dụng phong thủy vào thiết kế quy hoạch đô thị Huế của các nhà khoa học cận đại và đương đại có thể lấy mốc từ đầu thế kỷ XX, với vai trò tiên phong của một số nhà nghiên cứu người Pháp, mà tiêu biểu nhất là linh mục L.Cadière. Nhà "Huế học" này là người đặc biệt chú ý đến khía cạnh phong thủy của Huế và đã có một số bài viết khá hay đăng trên tạp san của Hội Đô thành hiếu cổ (Bulletin des Amis du Vieux Huế - BAVH). Từ sau năm 1945 đến nay, bàn về phong thủy của Huế có khá nhiều tác giả, tiêu

biểu là Phan Thuận An, Vĩnh Cao, Mai Khắc Ứng, Trần Đức Anh Sơn, Phan Thanh Hải, Lý Thái Sơn... Mỗi tác giả có một cách tiếp cận và đánh giá khác nhau về sự ứng dụng thuật phong thủy trong quy hoạch và xây dựng kinh đô Huế, dù nhìn trên tổng thể hay chỉ đối với từng công trình, cụm công trình đơn lẻ, nhưng nhìn chung đều là những đóng góp tốt cho việc nghiên cứu Huế. Tuy nhiên, hầu như vẫn còn thiếu một sự nghiên cứu mang tính tổng thể và xuyên suốt theo chiều lịch sử, gắn liền với sự hình thành và phát triển của đô thị Huế. Có lẽ đó là hạn chế lớn nhất mà các nhà nghiên cứu sau này phải khắc phục...

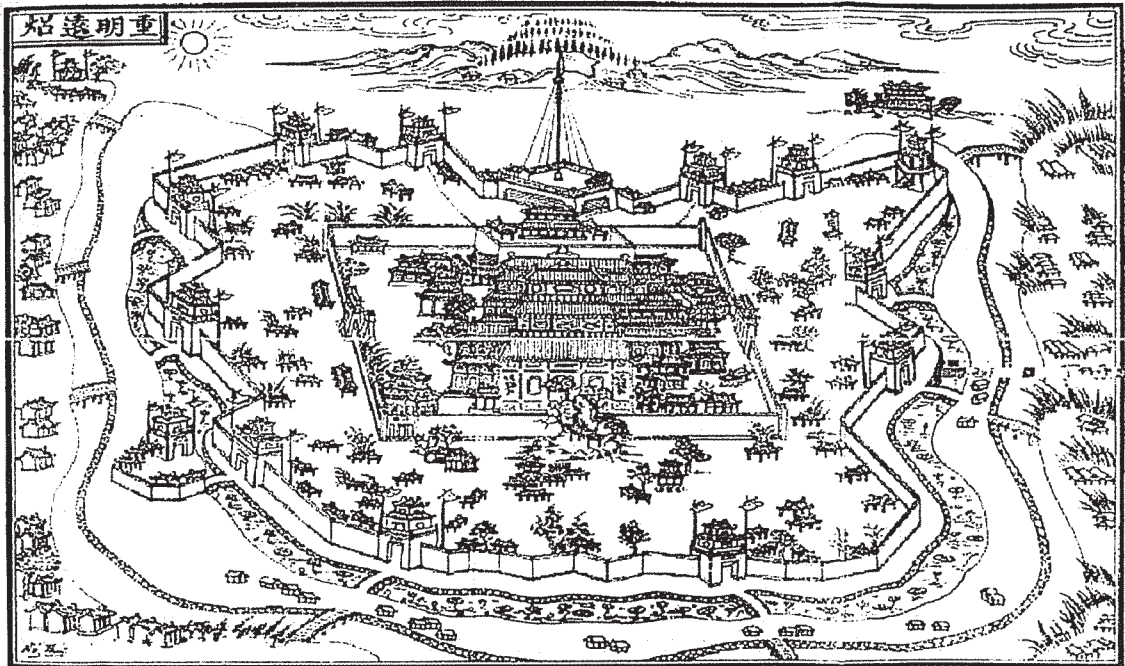
2. Phong thủy trong quy hoạch đô thị Huế thời chúa Nguyễn (1636 - 1775)

Đây là một vấn đề rất quan trọng nhưng chưa được tìm hiểu nghiên cứu nhiều. Những nghiên cứu trước đây chủ yếu đề cập đến thời kỳ Phú Xuân (bắt đầu từ năm 1687), chứ ít chú ý đến thời kỳ trước đó, khi thủ phủ chúa Nguyễn còn đặt ở Kim Long, hay trước đó nữa, khi phủ chúa còn chưa về bên sông Hương.

Trong quá trình "đi tìm ra Huế", thủ phủ của

các chúa Nguyễn đã trải qua 8 lần dời dựng thay đổi, nhưng có thể nói, quan trọng nhất là 3 thời kỳ gắn liền với hệ sông Hương: Thời kỳ Kim Long (1636 - 1687), thời kỳ Phú Xuân lần 1 (1687- 1712) và thời kỳ Phú Xuân lần 2 (1738 - 1775).

Như đã đề cập ở trên, sau khi vào trấn thủ ở đất Thuận Hóa, và sau đó kiêm cả Quảng Nam, chính chúa Nguyễn Hoàng là người đầu tiên nhận ra vị trí quan trọng của "cuộc đất" bên cạnh con sông Hương xinh đẹp. Ông cho lập chùa Thiên Mụ để củng cố long mạch ở phía Tây, tái lập chùa Sùng Hóa (1602) để giữ bền thế đất ở phía Đông. Vì thế, 36 năm sau, dải đất dọc sông Hương đã trở thành một vùng đất trù phú, coi như hội tụ được khí thiêng. Chúa Nguyễn Phước Lan chọn vùng đất Kim Long dưới chân chùa Thiên Mụ để xây dựng thủ phủ xứ Đàng Trong hẳn là sự kế thừa sáng suốt những suy tính và chuẩn bị chu đáo của ông nội. Theo sự khảo sát của chúng tôi, thủ phủ Kim Long cũng "toạ Càn hướng Tốn" (ngôi phía Tây Bắc nhìn về Đông Nam), được vây bọc giữa bốn bề là sông nước: Phía Nam, trước mặt



Kinh thành Huế thời Nguyễn - Bản vẽ 1845 - Nguồn: Tác giả

là sông Hương, bên Đông và Đông Nam là sông Kim Long, sau lưng là sông Bạch Yến; xa xa có núi non Trường Sơn chạy vòng che chắn suốt từ mặt Bắc qua mặt Tây và mặt Nam; "cuộc đất" nói chung rất đẹp về nhiều mặt.

Đáng chú ý là, cũng đồng thời với việc xây dựng thủ phủ, chúa Nguyễn Phước Lan đã cho mở cảng khẩu quốc tế Thanh Hà ở phía Đông, đoạn hạ lưu sông Hương, cách phủ chính khoảng 7km. "Tây miếu, Đông thị" cũng là nguyên tắc cơ bản của phong thủy học phương Đông khi trước mặt cuộc đất có dòng nước lớn chảy vòng qua: Chùa miếu ở phía Tây nhằm trấn yên dòng nước, chợ búa buôn bán ở phía Đông là hướng lợi về "kim", dễ giàu có sầm uất. Thực tế đã chứng minh, suốt 51 năm (1636 - 1687) đóng ở Kim Long, thế lực của họ Nguyễn đã không ngừng lớn mạnh...

Năm 1687, thủ phủ Đàng Trong được chúa Nguyễn Phước Thái chuyển về đất Phú Xuân, cách phủ cũ khoảng 3km về phía hạ lưu sông Hương. Nguyên nhân chính của sự dịch chuyển này vẫn là do phong thủy. Sau hơn 50 năm bồi tụ, đất Phú Xuân dần nhô cao khỏi bãi bùn lầy và lộ diện những ưu thế của vùng đất mới. Hơn thế, chúa đã phát hiện ra ngọn Mạc Sơn (hay Bằng Sơn) có thể dùng làm một lá chắn hữu hiệu ở mặt Nam; hai hòn đảo nổi trên sông Hương ở hai phía (sau này thường gọi là Cồn Hến và cồn Dã Viên) chầu vào tạo nên thế tay ngai rất đẹp. Chuyển về Phú Xuân sẽ lợi dụng được những yếu tố trên. Và hơn thế, chuyển về Phú Xuân, chúa còn có mục đích rút ngắn khoảng cách với cảng thị Thanh Hà, bởi lúc này chiến tranh với họ Trịnh đã chấm dứt, chúa muốn "cận kim" hơn để phát triển buôn bán, làm giàu đất nước.

Tuy nhiên, chúa Nguyễn Phước Thái đã không thành công với sự lựa chọn trên do không lường hết được sức mạnh ghê gớm của sông Kim Long chảy thúc vào thủ phủ từ phía Tây. Ngay trong năm 1687, để hạn chế bớt sức mạnh của con sông này, chúa đã "... sai xây tháp ở bờ sông để trấn áp"⁸, tuy nhiên, phương pháp này không mấy hiệu quả. Trong 25 năm đóng tại đây, phủ chúa đã gặp không biết bao nhiêu tai ương⁹. Năm 1692, chúa Nguyễn Phước Thái băng hà, chúa Nguyễn Phước Chu kế vị, dù hết sức khắc phục nhưng cuối cùng ông đành chuyển thủ phủ về cạnh sông Bồ trên

đất làng Bác Vọng huyện Quảng Điền.

26 năm sau, năm 1738, chúa Nguyễn Phước Khoát ngay sau khi kế vị đã chuyển thủ phủ về lại đất Phú Xuân và sau đó tái quy hoạch toàn bộ thủ phủ của mình, nâng cấp nó lên đô thành. Vị trí của phủ chính được đưa đến khu vực cao nhất trên vương đảo (vùng đất kẹp giữa sông Hương và sông Kim Long) và tránh khá xa vị trí "chảy xói vào bên hữu" của sông Kim Long. Có lẽ từ thời điểm này sông Kim Long đã bắt đầu bị khống chế, bị nắn lại và lấp bớt nhằm giảm tác động bất lợi đến kinh đô của họ Nguyễn. Những bản đồ cổ được vẽ trong giai đoạn này đều thể hiện khá rõ những đặc điểm trên. Nhưng quan trọng hơn cả là đến thời kỳ này, việc quy hoạch đô thành Phú Xuân đã trở nên khá hoàn chỉnh. Về cấu trúc chính của đô thị, chúng ta hãy xem sự mô tả của Lê Quý Đôn:

"...ở trên thì các phủ thờ ở Kim Long, giữa thì cung phủ hành lang, dưới thì nhà cửa ở phủ Ao. Nguyễn Phúc Khoát xưng vương hiệu, đổi tên, đề biển, có hai điện Kim Hoa, Quang Hoa, có các nhà Tụ Lạc, Chính Quang, Trung Hòa, Di Nhiên, đài Sướng Xuân, các Dao Trì, các Triều Dương, các Quang Thiên, đình Thụy Vân, hiên Đồng Lạc, am Nội Viện, đình Giáng Hương, công đường, trường học và trường súng. Ở thượng lưu về phía Nam có phủ Dương Xuân và phủ Cam. Ở trên nữa có phủ Tập Tượng, lại dựng điện Trường Lạc, hiên Duyệt Võ, mái lớn nguy nga, đài cao rực rỡ, mà giải vũ, tường bao quanh, cửa bốn bề, chạm khắc vẽ vờ, khéo đẹp cùng cực. ... Ở thượng lưu và hạ lưu Chính dinh đều là quân bày hàng như bàn cờ. Những nhà cửa thủy quân lại ở đối ngạn. Xưởng thuyền và kho thóc thì các xã Hà Khê, Thọ Khang trên thượng lưu. Còn nhà vườn của các công hầu quyền quý thì chia bày ở hai bờ thượng lưu sông Phú Xuân, cùng hai bờ sông con bên hữu phủ Cam. Ở thượng lưu, hạ lưu phía trước Chính dinh thì chợ phố liền nhau, đường cái đi ở giữa, nhà cửa chia khoảng tiếp nhau, đều là mái ngói. Cây to bóng mát, tả hữu thành hàng. Thuyền buôn bán, đồ dọc ngang đi lại như mắc cửi"¹⁰.

Thật là một bức tranh hoành tráng về đô thành Phú Xuân. Nhưng chúng ta cần lưu ý rằng, khi ấy lăng tẩm dành cho chúa Nguyễn đã được quy hoạch ở phía Tây, ở hai bên bờ

sông thượng nguồn sông Hương. Xem bản đồ Giáp Ngọ niên Bình Nam đồ của Bùi Thế Đạt (1774), chúng ta đã thấy lăng mộ của chúa Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phúc Nguyên nằm đúng trên vị trí hiện tại. Triều Nguyễn về sau đã kế thừa trọn vẹn ý tưởng quy hoạch này.

3. Phong thủy trong quy hoạch đô thị Huế thời Nguyễn (1802 - 1945)

Đầu thế kỷ XIX, sau khi thống nhất đất nước, Nguyễn Phước Ánh lên ngôi, lấy niên hiệu Gia Long, định đô tại Phú Xuân. Công cuộc quy hoạch và kiến thiết kinh đô kéo dài hàng chục năm dưới hai thời vua Gia Long và Minh Mạng. Về cơ bản, quy hoạch của kinh đô Huế đã kế thừa những thành tựu từ thời các chúa Nguyễn, nhưng có sự mở rộng và phát triển ở quy mô lớn hơn. Cũng chính từ sự phát triển này, những đặc trưng của một đô thị phong thủy càng trở nên nổi bật đối với Huế.

3.1. Quy hoạch Kinh thành

Kinh thành Huế nằm sát bờ Bắc sông Hương, ngay trên nền cũ của đô thành Phú Xuân được mở rộng về 4 phía và vẫn trên trục "tọa Càn, hướng Tốn", lấy Ngự Bình làm tiền án, hai hòn đảo Cồn Hến (Bộc Thanh) và Dã Viên làm thế tay ngại "tả long hữu hổ". Ngoài hướng chính là Tây Bắc - Đông Nam, Kinh thành còn có một hướng nữa - hướng chính Nam - để liên kết giữa Kinh thành và đàn Nam Giao, đàn tế quan trọng nhất của vương triều nằm cách Kỳ Đài 3km về phía Nam. Sông Hương ngoài vai trò là "hoành thủy" (dòng nước chảy ngang trước mặt) còn là trục liên kết miền giữa Kinh thành với các hệ lăng tẩm, đền miếu ở phía Tây và Tây Nam, các cảng thị, chợ búa ở phía Đông.

Hệ thủy đạo của Kinh thành cũng được điều chỉnh, tạo cho địa cuộc Kinh thành cái thế "Tứ thủy triều quy" - bốn mặt đều là nước vây bọc. Sông Kim Long bị lấp hẳn ở phần phía Tây để triệt tiêu cái họa "tà lưu thủy" gây bất an cho chủ nhân Kinh thành. Một phần dòng sông chảy bên trong đất Kinh thành thì được cải tạo lại thành các ao hồ và một đoạn của Ngự Hà. Từ năm 1825, do nhu cầu giao thông và cấp thoát nước, vua Minh Mạng cho đào thêm đoạn Ngự Hà ở phía Tây, nối thông ra bên ngoài (qua Tây thành Thủy Quan). Dẫu đã cố gắng tránh xa Hoàng thành nhưng đây vẫn là một điều bất lợi về phong thủy. Mùa nước lũ, Ngự Hà lại chảy

xiết, xói thẳng vào phía lưng Kinh thành, tạo thế "Trục thủy xung môn" thường gây ra những biến động bất lợi (chủ nhà bất an, gia tộc li tán...), nhất là trong những năm Thân, Dậu (tức những năm vượng về hành Kim)

3.2. Hệ thống đàn miếu, chùa quán

Theo đúng nguyên tắc Ngũ hành, hệ thống đàn miếu, chùa quán chủ yếu được bố trí ở phía Tây Kinh thành, cả ở bên trong và bên ngoài. Ở ngoài thì bên trên có điện Hòn Chén, dưới nữa là Khải Thánh từ (thờ thần phụ Khổng Tử), Văn Miếu, Võ Miếu, chùa Thiên Mụ, miếu Trung Hưng công thần... Bên trong Kinh thành, ở phía Tây là đàn Xã Tắc, miếu Đô Thành hoàng, đàn Âm Hồn (?).

Chính hệ thống đàn miếu này là yếu tố giúp giữ yên mặt Tây của Kinh thành và nối kết giữa phần dương cơ (Kinh thành và các kiến trúc dành cho người đang sống) với thế giới âm phần (miền lăng tẩm) ở phía Tây.

3.3. Hệ thống lăng tẩm

Tức thế giới âm, tồn tại song song với thế giới của những người đang sống. Đối với các kinh đô của Trung Quốc và Việt Nam trong lịch sử, việc quy hoạch khu vực lăng tẩm dành cho vua chúa luôn là vấn đề cực kỳ quan trọng. Vua Gia Long đã dành rất nhiều thời gian, công sức trong việc lựa chọn khu lăng tẩm cho ông và thân tộc. Người tìm ra cuộc đất này lại chính là Lê Quý Thanh, con trai nhà bác học Lê Quý Đôn. Theo chúng tôi, Thiên Thọ lăng là khu vực mà vị hoàng đế đầu triều đã chuẩn bị cho cả dòng họ ông, một vùng đất rộng đến hơn 2.800 ha, có đầy đủ các yếu tố của một cuộc đất "vạn niên cát địa". Từ tên gọi đến cách thức bố trí, khu lăng Thiên Thọ có khá nhiều điểm tương đồng với khu Thập Tam Lăng thời Minh ở Bắc Kinh, Trung Quốc.

Vua Minh Mạng lại muốn thay đổi. Để tìm được một cuộc đất ưng ý, ông đã tốn đến 14 năm ròng rã (1826 - 1840), nhưng bù lại, vùng đất dưới chân núi Cẩm Kê quả là tuyệt hảo về phong thủy. Và quan trọng hơn, ông đã mở ra một hướng quy hoạch mới cho các lăng tẩm của vua chúa đời sau. Vua Tự Đức đã chọn lựa khu đất cho phụ thân ông (lăng Thiệu Trị - Xương lăng) và bản thân ông (Khiêm lăng) cũng theo cách nhìn của vua Minh Mạng.

Có thể nói, lăng Thiệu Trị (Xương Lăng) là một mẫu hình về sự kết hợp các dòng nước

giữa một vùng đồng bằng ít núi non. Tuy nhiên núi Thuận Đạo (chủ sơn của lăng) thấp nhỏ, không đủ điều kiện để "tàng phong" - đảm bảo sự lâu bền cho cuộc đất.

Lăng Tự Đức (Hiếu Lăng) cũng là một mẫu mực của một cuộc đất tốt với đầy đủ các yếu tố tiền án, hậu chảm, tả long, hữu hổ. Lăng dựa vào mạch núi chính kéo tới đồi Vọng Cảnh (điểm vào "Thiên - Địa trục"), xung quanh có các dãy núi nhỏ vây bọc che chở. Trước mặt nước tụ về đủ sức tạo nên hồ nước lớn mà quanh năm vẫn lưu thông (Lưu Khiêm hồ), xứng đáng với câu ngợi ca:

Từ bề núi phủ mây phong,

Mảnh trăng thiên cổ bóng từng Vạn Niên.

3.4. Hệ thống phố thị và chợ búa

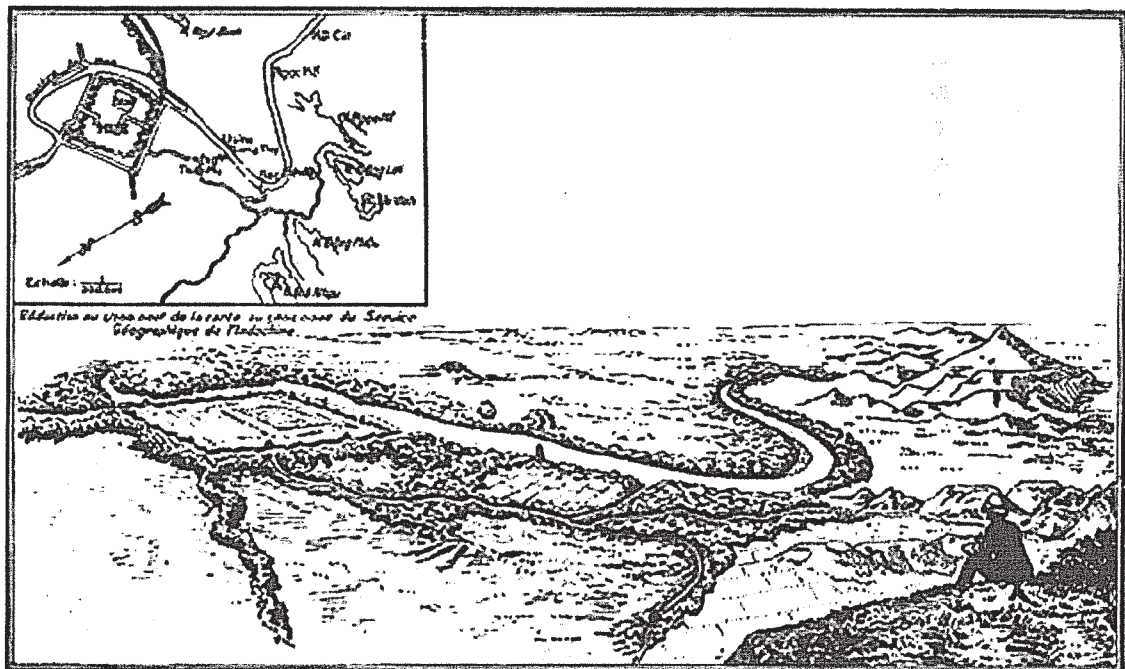
Vẫn tuân theo nguyên tắc quy hoạch có từ thời chúa Nguyễn: bố trí khu buôn bán, chợ búa ở phía Đông, trong đó trung tâm là khu Bao Vinh - Gia Hội - chợ Dinh - chợ Đông Ba. Toàn bộ khu này chiếm trọn các khu đất dọc theo sông Đông Ba, sông Hương từ phía Đông Bắc đến Đông Nam. Về cuối triều Nguyễn, phố thị "xâm chiếm" cả vào bên trong Kinh thành, nhưng vẫn nằm ở phía Đông (đường Mai Thúc Loan hiện nay).

4. Kết luận sơ bộ

4.1. Việc ứng dụng phong thủy vào công tác quy hoạch thiết kế đô thị Huế là một quá trình lịch sử, có sự kế thừa nối tiếp trong suốt mấy trăm năm, kể từ khi đô thị này được hình thành bên bờ sông Hương vào năm 1636 đến hết thời Nguyễn, trong đó về cơ bản có thể chia thành 2 thời kỳ chính: thời chúa Nguyễn (1636 - 1775) và thời các vua Nguyễn (1802 - 1945). Ngay từ thời chúa Nguyễn, phong thủy đối với đô thị Huế đã là một nhân tố vô cùng quan trọng và góp phần quyết định trong việc định hình bộ khung đô thị. Ý tưởng quy hoạch về đô thị dựa trên các nguyên tắc của phong thủy thời kỳ này đã được triều Nguyễn sau đó kế thừa trọn vẹn và nâng lên ở một tầm cao mới.

4.2. Tại Huế, các thành tố kiến trúc cấu thành nên kinh đô triều Nguyễn, bao gồm cả kiến trúc dương cơ và âm phần đều được đặt trong một không gian mang tính thống nhất trong sự đa dạng, giới hạn từ núi về biển, lấy sông Hương làm trục liên kết tự nhiên rất hoàn hảo. Nguyên Tổng giám đốc UNESCO, ngài M'Bow đã từng ngợi ca:

"Những người đầu tiên xây dựng Huế đã có dụng ý đóng khung Huế trong phong cảnh kỳ



Kinh thành Huế và Hệ thống sông Hương - Nguồn: Tác giả

diệu từ núi Ngự Bình đến đôi Vọng Cảnh, đến phá Tam Giang và Cầu Hai. Và chính nhờ thế, họ đã sáng tạo ra một kiến trúc tinh vi, trong đó mỗi nhân tố bắt nguồn từ cảm hứng thiên nhiên gần gũi. Thành phố Huế, chính là nghệ thuật được vẻ đẹp của thiên nhiên bổ sung, tô điểm thêm”¹¹.

Tuy vậy, khi nghiên cứu về sự ứng dụng phong thủy đối với quy hoạch, thiết kế từng loại hình công trình thì cần xem xét một cách cụ thể.

4.3. Nghiên cứu về phong thủy đối với đô thị Huế sẽ rất cần thiết cho việc giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hóa Huế. Chính những khuyến cáo mới nhất của UNESCO đối với Huế cũng chủ yếu nhằm vào vấn đề này. Bởi vậy, rất cần có một quan điểm đúng đắn cùng một sự đầu tư thích đáng cho công tác nghiên cứu và ứng dụng phong thủy trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản Huế.

D.T.H

Chú thích:

1- Lý Thái Sơn, Kỳ lân hí cầu, *Kỹ yếu Hội nghị chuyên gia "Đánh giá quỹ kiến trúc đô thị Huế"*. UBND Thành phố Huế xuất bản tháng 8 - 2003, Tr. 37 - 52.

2- Li Tana, một nhà Việt Nam học khá nổi tiếng trong bản Luận án Tiến sĩ của mình về xứ Đàng Trong đã có một nhận xét rất thú vị về sự dịch chuyển vai trò của các vùng đất theo xu hướng "Nam tiến" của người Việt. Dưới con mắt của một nhà sử học, bà cho rằng, từ đầu thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XIX, các sự kiện chính trị quan trọng dẫn đến việc thành lập các chính quyền của Việt Nam đều diễn ra theo xu hướng Nam tiến: Lê Lợi khởi nghĩa ở Thanh Hóa (1418), Nguyễn Kim chống nhà Mạc ở Thanh - Nghệ (1533), Nguyễn Hoàng gây dựng Đàng Trong từ Quảng Trị (1558), Tây Sơn khởi nghĩa ở Quy Nhơn (1771) và Nguyễn Ánh gây dựng

căn cứ ở Gia Định (thập niên 80 của thế kỷ XVIII)... (Li Tana, Xứ Đàng Trong - *Lịch sử Kinh tế - Xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb. Trẻ, 1999, Tr. 16). Thực ra, từ cuối thế kỷ XVIII, Phạm Đình Hổ trong *Vũ trung tùy bút* đã cho rằng, đây chính là sự dịch chuyển của vận khí và long mạch

3- Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, H. 2004, Tr. 37.

4- Phan Thanh Hải, Tìm hiểu nguồn gốc đô thị Huế từ việc khảo sát hệ thống thủ phủ thời chúa Nguyễn. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 9 và số 10/2004.

5- Lê Quý Đôn toàn tập, Tập 1, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. KHXH, H, Tr. 112.

6- Lê Quý Đôn toàn tập, Tập 1, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. KHXH, H, Tr. 113.

7- Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. KHXH, H. 1969, Tr. 11

8- Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Bản dịch của Viện Sử học, tập 1, Nxb. Giáo Dục, H. 2004, Tr. 98.

9- Trong 25 năm đóng tại Phú Xuân, sách *Đại Nam thực lục* có ghi lại đến 41 lần xảy ra tai họa thiên nhiên hay các điềm dữ, trong đó có 9 lần lũ lụt và bão lớn, 5 lần hỏa hoạn lớn, 1 trận dịch sâu bọ, 4 trận động đất và lở đất, 2 lần hạn hán, 20 lần nhật thực hay mặt trời có quầng đen...

10- Lê Quý Đôn toàn tập, tập 1, bản dịch của Viện Sử học, Nxb. KHXH, H. 1977, Tr. 112 - 113.

11- AMADOU Mahtar M'bow, "Vi công cuộc bảo vệ, giữ gìn, tu sửa và tôn tạo di sản văn hóa của thành phố Huế". In trong tập *Di sản văn hóa Huế - 20 năm bảo tồn và phát huy giá trị*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế xuất bản, Huế, 2003, Tr. 9.

DR. PHAN THANH HẢI: FENGSHUI IN THE URBAN PLANNING OF HUẾ - A HISTORICAL PERSPECTIVE

The article provides a good overview of Huế landscapes, based on documentation from the Trần Dynasty and remarks by historical figures. The author also discusses on fengshui and understanding of geomancy in the planning of old capital city (the Imperial City, religious cultural heritage, tombs, markets and streets, etc.). The article also gives interpretations of why the Nguyễn Dynasty decided to choose Huế as the Capital City; in addition, the study of geomancy will help bring Huế closer to authenticity in the preservation and restoration of its cultural heritage.